



BỘ CÔNG THƯƠNG - MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE  
**CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**  
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY



CBI  
*Ministry of Foreign Affairs of the Netherlands*

# **HỘI THẢO PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU NGÀNH THỰC PHẨM VIỆT NAM**

**Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2017**

# VIETNAM SHRIMP INDUSTRY

*Ms. Tô Thị Tường Lan – Phó Tổng Thư ký*  
**Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam**

**SHIMP  
AQUACULTURE  
IN VIETNAM**

# NUÔI TRỒNG TÔM NƯỚC LỢ' Ở VIỆT NAM

**2014**

- Farming area: 685,000 ha
- Quantity: 660,000 ton s

**- 2015:**

- Farming area 691,000 ha
- Quantity : 596,000 tons

**2016:**

- Farming: 700,000 ha
- Quantity: 650,000 tons

# SHRIMP SPECIES IN VIETNAMNAM

Sản lượng các loài tôm nuôi tại các tỉnh ĐBSCL

2014

- Black tiger: 248 thousand tons
- Vanamei: 245 thousand tons

2015

- Black tiger: 255 thousand ton
- Vanamei: 218 thousand tons

2016

- Black tiger: 251 thousand tons
- Vanamei 253 thousand tons

# The conditions for developing shrimp aquaculture in the Mekong Delta



## Strategy for shrimp in the future

2020

- Black tiger: 560,000 ha, 390,000 tons
- Vanamei: 90,000 ha, 360,000 tons

2030

- Black tiger: 570,000 ha, 450,000 tons
- Vanamei: 100,000 ha, 450,000 tons

# **SHIRMP Proocessing plants in Vietnam**



1,300: seafood processing plants

600: plants with EU approval

200: certified plants in the Mekong Delta

Total capacity: 2,8 million/ year

Shrimp:

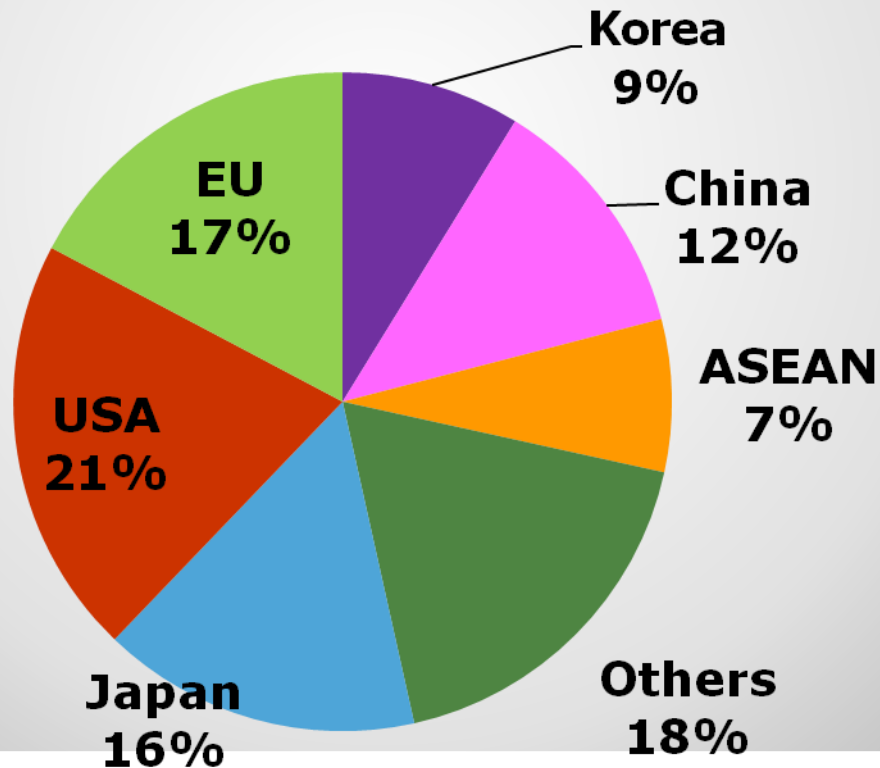
200: processing plants

Total capacity: 1 triệu  
million/year

Export: 3-4 triệu USD/ year to 90  
market worldwide

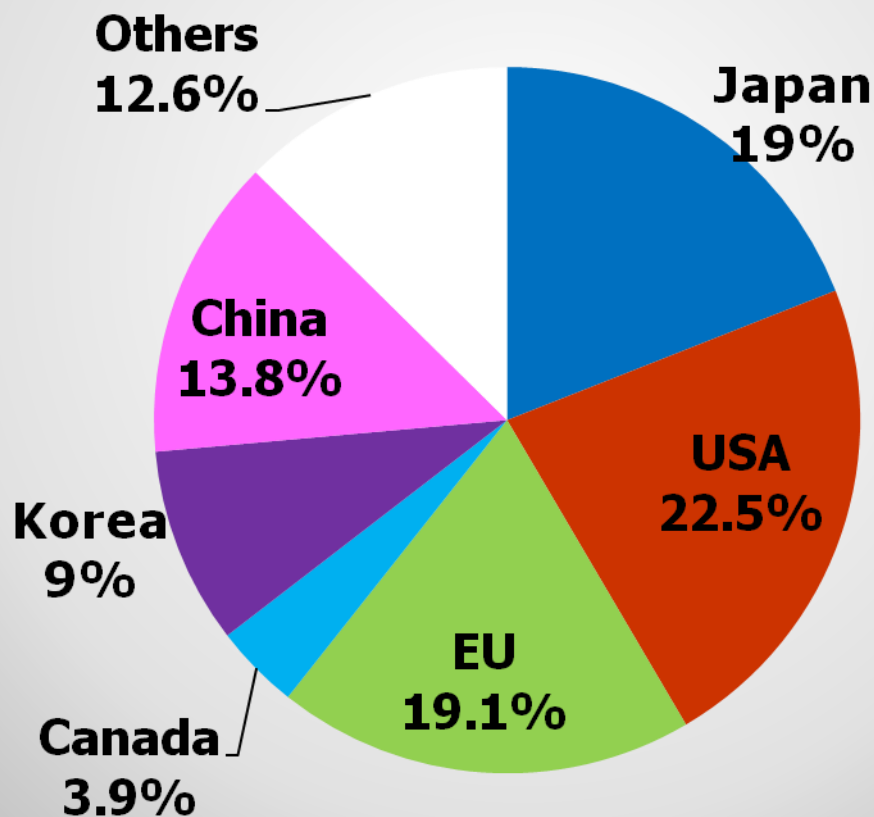
# THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM 2016

## Seafood export markets 2016



# THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU TÔM 2016

**Shrimp import markets structure  
2016**



# TỶ TRỌNG TÔM VIỆT NAM TẠI NHÓM THỊ TRƯỜNG CHÍNH

Thị trường	2012 (%)	2013 (%)	2014 (%)	2015 (%)	2016 (%)
Nhật	19.3	21.8	25.1	25	23.6
Mỹ	9.9	13.7	14.9	12.1	12
EU	4.9	5.5	7.4	8	8.9
Trung Quốc	6.7	3.6	2.2	4.4	1.4

# XUẤT KHẨU TÔM VÀO EU

Thị trường	2014 (%)	2015 (%)	2016 (%)
Anh	2.9	4.4	4.3
Đức	3.55	3.37	3.52
Hà Lan	3.27	3.18	4.15
Bỉ	2.46	2.25	2.53
Pháp	2.22	2.22	1.76
Đan Mạch	0.88	0.69	0.88
Italia	0.57	0.69	0.62
Thụy điển	0.32	0.38	0.33
Tây Ban Nha	0.32	0.29	0.29
Bồ Đào Nha	0.18	0.23	0.27
Khác	0.57	0.88	0.4
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.27</b>	<b>18.58</b>	<b>19.05</b>

# TOP 10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU TÔM SANG EU

(Số liệu 10 tháng đầu năm 2016)

STT	DOANH NGHIỆP	TỈ TRỌNG XK (%)
1	STAPIMEX	6.21
2	QUOC VIET	5.40
3	NHA TRANG SEAFOODS	5.15
4	THUAN PHUOC	4.63
5	TAI KIM ANH	4.09
6	CASES	3.78
7	VINA CLEANFOOD	3.52
8	MINH PHU HAU GIANG	3.41
9	C.P VIET NAM	2.96
10	FIMEX	2.80

- Advantages

- The processing plants meet all the highest requirements about food safety
- The skillful workers for the value added products
- Keep producing black tiger shrimp
- Extensive farming in the mangrove forest is a unique aspect

- Advantages (cont)
- The trend of control on the production chain
- FTA with the countries and regions like Eu-Vn FTA



- Challenges

- Climate change ( salinization, drought..)
- Disease prevention; increase production costs
- Shortage of skillful workers
- Not Yet Branding strategy
- The trade barrier

**THANKS**  
FOR YOUR LISTENING

**Liên hệ:**

**Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP**

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,**

**49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

**Tel: (84 - 4) 3937 8472**

**Fax: (84 - 4) 3937 8476**

**Email: [mutrap@mutrap.org.vn](mailto:mutrap@mutrap.org.vn)**

**Website: [www.mutrap.org.vn](http://www.mutrap.org.vn)**

**(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)**